

Bản án số: 362/2021/HS-PT

Ngày: 26-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn L2

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 289/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo **Nguyễn Xuân T** về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 6 năm 1955 tại tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/10; Nghề nghiệp: Làm nông; Quê quán: xã Q, huyện T1, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1929 (đã mất); Họ và tên mẹ: Lê Thị B, sinh năm: 1928; Họ và tên vợ: Vũ Thị Ng, sinh năm: 1954 (đã mất vào tháng 01/2021); Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1991; Bị cáo là con đầu trong gia đình có 06 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2019, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T: Luật sư Tạ Văn N1 – Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù bản thân bị cáo Nguyễn Xuân T không có chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn gì trong cơ quan nhà nước cũng như liên quan đến việc thi tuyển, xét tuyển người vào các Trường, đơn vị thuộc lực lượng Công an nhân dân. Nhưng bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, thông qua việc thực hiện hành vi phạm tội, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2018, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã đưa ra thông tin mình có mối quan hệ, quen biết rộng với những người trong lực lượng Công an nhân dân và có khả năng lo cho người khác được xét tuyển đi lính nghĩa vụ công an nhân dân, lo vào biên chế trong ngành công an, thi đậu các trường công an nhân dân..., để nhiều cá nhân tin tưởng, sau đó theo yêu cầu của bị cáo, các cá nhân đã liên hệ và giao nhiều lần với tổng số tiền 760.000.000 đồng với mục đích để nhờ bị cáo xin cho người thân của họ vào lực lượng Công an như thông tin bị cáo đưa ra. Sau khi nhận tiền, bị cáo không thực hiện theo nội dung đã cam kết mà sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến năm 2019, vì thấy bị cáo không thực hiện các nội dung như đã thỏa thuận đồng thời không trả lại tiền nên các bị hại này đã có đơn tố giác hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo, cụ thể số lần phạm tội như sau:

- *Vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị X, SN: 1972, trú tại: 16/4E đường A1, xã T2, huyện H1, TP Hồ Chí Minh.*

Nguyễn Xuân T và bà Vũ Thị Th1 có mối quan hệ đồng hương và quen biết nhau từ năm 2015. Vào đầu năm 2015, bà Th1 gặp T và trao đổi với T về việc con trai bà Vũ Thị X là Vũ Trường G có nguyện vọng được vào phục vụ lâu dài trong ngành Công an; nghe vậy, T nói có quen biết nhiều người trong ngành Công an nên có thể lo được cho G. Sau đó, bà Th1 gọi điện cho bà X để thông báo về việc nhờ T lo việc cho G đồng thời cung cấp số điện thoại của T để bà X liên lạc. Cùng ngày, bà X gọi điện cho T và đặt vấn đề nhờ T lo cho con trai bà X là Vũ Trường G được biên chế vào ngành công an, T đồng ý và tiếp tục đưa ra thông tin có quen biết nhiều người bên ngành công an, đã từng lo thành công cho nhiều người đồng thời hứa hẹn sau khi lo cho Vũ Trường G thực hiện xong 03 năm nghĩa vụ quân sự tại Công an tỉnh Kon Tum thì T sẽ tiếp tục lo cho Vũ Trường G vào biên chế ngành công an với mức giá là 260.000.000 đồng, bằng hình thức thi đậu vào các trường công an hoặc xét biên chế; nếu không lo được việc trên thì T sẽ hoàn trả lại tiền cho bà X. Vì tin tưởng T nên bà X đồng ý. Từ ngày 18/03/2015 đến ngày 31/07/2015, bà X đã chuyển khoản 2 lần với tổng số tiền 260.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Agribank của bà Th1, sau đó, bà Th1 đã chuyển số tiền trên đến Nguyễn Xuân T bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng Agribank của Nguyễn Xuân T (2 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng) và giao trực tiếp cho T (01 lần với số tiền 60.000.000 đồng). Quá trình giao nhận, giữa bà Th1 và ông T

có viết giấy xác nhận (*số tiền 60.000.000 đồng*) tuy nhiên hiện nay bà Th1 đã làm mất.

Đến khoảng tháng 6/2018, T gọi điện cho bà X và yêu cầu chuyển thêm số tiền 190.000.000 đồng để T lo việc cho G, nếu không chuyển thì sẽ không lo được việc. Vì tin tưởng nên bà X đã chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng Agribank của T bốn lần với tổng số tiền 190.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền, bà X đã nhờ bà Th1 đến nhà T để yêu cầu T viết giấy xác nhận đã nhận tiền. Tại “Giấy biên nhận” đề ngày 07/08/2018, Nguyễn Xuân T ký xác nhận với nội dung: “... *có nhận của cô Vũ Thị Th1, TDP5, thị trấn P4, huyện N5 – KT số tiền 190.000.000 với mục đích là lo việc cho cháu Vũ Trường G ...*”.

Đến tháng 12/2018, Vũ Trường G xuất ngũ và không được biên chế ở lại ngành công an nên gia đình bà Th1 đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Xuân T trả lại số tiền 450.000.000 đồng như cam kết; tuy nhiên, T đưa ra nhiều lý do để trốn tránh. Ngày 19/05/2019, bà X cùng bà Th1 đến nhà T để đòi tiền đồng thời yêu cầu T viết giấy xác nhận đã nhận của bà X và bà Th1 tổng số tiền 450.000.000 đồng để lo cho G vào ngành công an. Tại “Giấy hẹn trả tiền” đề ngày 19/05/2019, T xác nhận: “... *có nợ cô chú Vũ Thị X (H1 – thành phố Hồ Chí Minh) và nợ cô Vũ Thị Th1 ... Tổng nợ 450.000.000 hẹn đến ngày 30/05/2019 là phải hoàn thành số tiền ...*”. Đến thời điểm hiện tại, T vẫn chưa trả lại tiền cho gia đình bà X.

- *Vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Ngô Thị D1, SN: 1972, trú tại: thôn 3, xã T5, huyện Đ4, tỉnh Kon Tum:*

Vào khoảng đầu năm 2018, bà Ngô Thị D1 có con trai là Lê Văn H2 đi lính nghĩa vụ công an và công tác năm thứ 3 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum. Vì muốn Lê Văn H2 thi đậu vào các trường công an để được biên chế ở lại ngành nên bà D1 đã tìm hiểu và biết được thông tin Nguyễn Xuân T có khả năng lo được việc cho người khác vào ngành công an. Nên ngày 12/06/2018, bà D1 cùng con gái là Lê Thị Thanh H4 đến nhà T để đặt vấn đề lo việc cho H2. Tại đây, T đưa ra thông tin có quen biết nhiều người trong Bộ công an và Trường đại học CSND đồng thời hứa hẹn với bà D1 là sẽ lo được cho H2 thi đậu vào Trường đại học CSND với giá 650.000.000 đồng và yêu cầu phải đưa trước cho T 150.000.000 đồng để T lo việc, khi nào có Quyết định sẽ giao nốt số tiền 500.000.000 đồng còn lại. Vì tin tưởng các thông tin do T đưa ra đồng thời muốn con trai được thi đậu và ở lại ngành công an nên bà D1 đồng ý. Ngày 13/06/2018, bà D1 cùng chồng là ông Lê Văn Một đến nhà và giao cho T số tiền 150.000.000 đồng, khi nhận tiền T có viết giấy biên nhận và hứa hẹn sẽ lo được việc cho H2. Tại “Giấy biên nhận” đề ngày 13/06/2018, T xác nhận “... *có nhận số tiền của cô chú Lê Văn Một bà Ngô Thị D1, thôn 3, xã T5, Đ4, Kon Tum số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu y). Khi thi xong có quyết định trao nốt số tiền còn lại ...*”.

Đến cuối tháng 9/2018, T gọi điện cho bà D1 và yêu cầu đưa thêm 100.000.000 đồng với lý do là để T vào Trường Đại học CSND lấy Quyết định nhập học cho Lê Văn H2. Ngày 01/10/2018, bà D1 cùng con trai là Lê Văn H2 đến nhà và giao cho T số tiền 100.000.000 đồng. Khi giao tiền, T xác nhận vào phần dưới “Giấy biên nhận” đề ngày 13/06/2019 mà T đã viết trước đó với nội dung “... *nhận số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) của cô Ngô Thị D1, xã T5,*

huyện Đ4. Không được việc trả đủ số tiền và lãi”. Đến cuối năm 2018, H2 đi thi nhưng không đủ điểm thi đậu các trường công an. T không có động thái gì để giúp H2 trong việc thi và kết quả thi và khi biết H2 thi không đậu vào trường nào của ngành Công an, T bị gia đình bà D1 hỏi thúc việc thực hiện cam kết nên T tìm gặp Phạm Đình H3 và đặt vấn đề với Phạm Đình H3, nhờ H3 lo việc xét biên chế cho H2 vào ngành Công an và được H3 đồng ý sẽ tác động xin cho H2 vào biên chế. Lúc này, giữa T và H3 có thỏa thuận bằng miệng với nhau là nếu H3 lo xét biên chế ngành công an cho H2 thành công thì T sẽ đưa cho H3 một số tiền (*vì thời gian đã lâu nên cả hai không nhớ*). Trong thời gian này, vì H3 cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên có đặt vấn đề vay của T số tiền 98.000.000 đồng. T vì muốn H3 giúp lo việc cho H2, đồng thời để có cơ sở trả lời khi bà D1 và ông Một hỏi về việc của H2 nên T đã đồng ý và cho H3 vay số tiền 98.000.000 đồng và yêu cầu H3 viết giấy vay mượn tiền (*H3 có viết giấy xác nhận vay tiền của T*). Sau đó H3 có gặp vợ chồng D1 - Một tại nhà bà D1 ở Đắk Tô; tại đây, giữa H3 và vợ chồng D1- Một có trao đổi với nhau về việc của H2, H3 hứa sẽ cố gắng lo việc cho H2 vào biên chế ngành công an, D1 – Một thì đặt vấn đề nhờ H3 lo cho H2 thi đậu vào trường công an; sau đó Một tự viết giấy cam kết với nội D1 sẽ bồi dưỡng cho H3 số tiền 400.000.000 đồng nếu H3 lo được việc cho H2. Tuy nhiên, chưa ai thực hiện giao - nhận tiền liên quan đến nội dung cam kết này.

Đối với trường hợp Lê Văn H2, tuy thi không đủ điểm đậu vào trường Đại học, Trung cấp Công an nhưng do có kết quả rèn luyện, phấn đấu tốt trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trong ngành nên được Công an tỉnh Kon Tum xét biên chế ngành công an. Khi biết H2 có Quyết định biên chế ngành công an tỉnh Kon Tum, H3 có báo cho gia đình bà D1 biết, gia đình bà D1 có nhờ nên H3 trực tiếp chở H2 đến Công an tỉnh nhận Quyết định và đưa H2 đi làm các thủ tục nhận công tác.

Đến cuối tháng 12/2018, vì Nguyễn Xuân T không thực hiện được việc lo cho H2 thi đậu vào Trường đại học CSND như đã hứa hẹn từ trước nên gia đình bà D1 đòi lại số tiền 250.000.000 đồng đã giao cho T trước đây, nhưng T đưa ra nhiều lý do để trốn tránh việc hoàn trả tiền. Đến thời điểm hiện tại, T chưa trả lại tiền cho gia đình bà D1.

• *Vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị C1, SN: 1940, trú tại: số 216 đường Q1, phường N2, thành phố T3, tỉnh Thanh Hóa:*

Năm 2010, Nguyễn Xuân T có quen biết với ông Lê Khắc L2 (SN 1959, là thông gia của T, trú tại: thôn M, thị trấn Y, huyện N4, tỉnh Thanh Hóa). Vì nhiều lần đến nhà ông L2 chơi nên T có gặp ông Trịnh Tuấn T4 (SN 1959, là anh ông L2, nguyên là cán bộ Công an thị trấn Yên Cát) và đưa ra thông tin tại tỉnh Gia Lai đang có chỉ tiêu đi lính nghĩa vụ công an, nếu có nhu cầu xin cho con hay cháu thì liên hệ với T. Vì tin tưởng các thông tin do T đưa ra, đồng thời nghĩ T là thông gia nên ông T4 đã liên hệ với bà Mai Thị C1 để hỏi về việc xin đi lính nghĩa vụ công an cho cháu bà C1 là Trịnh Tuấn H4 (SN 1992, trú tại thôn 8, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Vì muốn H4 được đi lính nghĩa vụ công an nên bà C1 đã đồng ý và nhờ Trịnh Tuấn T4 cùng Trịnh Thị D1 (SN 1966, là con gái ruột bà C1) liên hệ bằng điện thoại với T để hỏi về các thủ tục và chi

phí. Quá trình nói chuyện, T đưa ra thông tin có nhiều mối quan hệ quen biết, T sẽ trực tiếp xin cho H4 đi lính nghĩa vụ tại Công an tỉnh Gia Lai với chi phí khoảng 60.000.000 đồng, đồng thời hướng dẫn ông T4 chuẩn bị các thủ tục, giấy tờ và gửi vào cho T để T đi liên hệ và nộp hồ sơ cho cháu H4.

Vì tin tưởng các thông tin do T đưa ra nên bà C1 đã hai lần đưa tiền cho bà D1 để chuyển vào tài khoản ngân hàng của T; lần thứ nhất vào ngày 06/09/2010 với số tiền 50.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 27/01/2011 với số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, vào khoảng tháng 04/2011, T dẫn H4 (*có ông T4 đi cùng*) đi khám sức khỏe tại Bệnh xá Công an tỉnh Gia Lai. Sau khi khám xong, ông T4 và H4 trở về Thanh Hóa. Bản thân T sau khi dẫn H4 đi khám sức khỏe, mặc dù biết H4 không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để được xét tham gia nghĩa vụ công an nhưng vẫn đưa ra thông tin với bà D1, bà C1 là đã nộp hồ sơ, đồng thời hứa hẹn khi nào cháu H4 có kết quả thông báo đi lính nghĩa vụ sẽ thông báo lại cho gia đình biết. Trong quá trình liên hệ và nhờ Nguyễn Xuân T giúp việc đi nghĩa vụ cho cháu Trịnh Tuấn H4, T4 giữ vai trò là người liên lạc, hướng dẫn H4 làm các thủ tục xác minh đi nghĩa vụ, đồng thời dẫn H4 vào nhà ông T để đi khám sức khỏe. Toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng của bà C1 được Trịnh Thị D1 chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng Agribank cho T. Giữa T và T4 không có sự thỏa thuận về việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T, bản thân T4 cũng không được T đưa tiền hay lợi ích vật chất gì khác.

Nguyễn Xuân T là đồng hương và quen biết Nguyễn Văn L2, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2011, vì Nguyễn Văn L2 đang giữ chức vụ Phó trưởng phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Gia Lai, T có đặt vấn đề nhờ L2 xin cho con, cháu T được tham gia đi nghĩa vụ tại Gia Lai; vì là bạn học và đồng hương, nể nang nên ông L2 đồng ý và hướng dẫn các thủ tục để T nộp hồ sơ đi nghĩa vụ cho Trịnh Tuấn H4, Lê Khắc H5 và Lê Thành Tr1. Quá trình lo việc cho T, ông L2 khai nhận không nhận bất cứ lợi ích vật chất, tiền bạc từ T. Trường hợp của Trịnh Tuấn H4, T khai có nhờ L2 xin cho trường hợp của Trịnh Tuấn H4 và có đưa cho L2 số tiền 30.000.000 đồng để nhờ lo xin đi lính nghĩa vụ cho H4. Việc đưa tiền cho L2, theo T khai là bỏ vào trong xe ô tô của ông L2. L2 thừa nhận có giúp đỡ T trong việc hướng dẫn, làm hồ sơ, thủ tục cho cả trường hợp T nhờ giúp nhưng không có nhận tiền hay lợi ích vật chất gì từ T.

Qua kết quả điều tra, xác minh của Cơ quan điều tra, tại nội dung Công văn số 1541/CV-PX01 của Phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh Gia Lai xác định: Trịnh Tuấn H4 không có tên trong danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự tại Công an tỉnh Gia Lai.

Vì T không xin được cho H4 đi nghĩa vụ công an nên từ năm 2011 đến nay, gia đình bà C1 nhiều lần liên hệ T để hỏi về việc đi nghĩa vụ của H4, đồng thời đòi lại số tiền đã đưa cho T, nhưng T đưa ra nhiều lý do để trì hoãn. Đến thời điểm hiện tại, T chưa trả lại số tiền 60.000.000 đồng cho bà C1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/9/2019).

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/3/2021, bị cáo Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù là có phần nhẹ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không tiếp tục khắc phục hậu quả nên không có cơ sở xét giảm hình phạt, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo là người cao tuổi, đề nghị xét giảm một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T không khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2018, bị cáo Nguyễn Xuân T không có khả năng nhưng dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin có mối quan hệ quen biết rộng với những người trong ngành công an và hứa hẹn xin việc, xét tuyển vào ngành công an, thi đậu vào trường công an, để các người bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo nhằm chiếm đoạt. Bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại bà Vũ Thị X, Ngô Thị D1 và Mai Thị C1, với tổng số tiền 760.000.000 đồng.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo có nhân thân tốt, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã bồi thường khắc phục hậu quả một phần thiệt hại; bị cáo tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huy chương; tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời có tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm

g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 11 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo là người cao tuổi được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T;

1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T **11 (mười một)** năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 04/9/2019).

2. Án phí:

Bị cáo Nguyễn Xuân T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự